

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM

Ngô Thùy Dung¹

TÓM TẮT

Việt Nam hiện nay với một nền kinh tế đa thành phần cùng tồn tại và phát triển, không còn dừng lại ở khía cạnh xem xét để xóa bỏ hay ưu tiên bất cứ thành phần kinh tế nào mà cần nhận thấy mỗi thành phần kinh tế có bản chất riêng, có quy luật kinh tế riêng, dựa trên mỗi một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất. Vì vậy điều quan trọng là phải nắm giữ bản chất của từng thành phần kinh tế và sử dụng chúng một cách có hiệu quả nhất để đẩy nhanh quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, chủ động mở cửa hội nhập sâu hơn nữa vào kinh tế quốc tế giúp cho nền kinh tế nước nhà ngày càng vững mạnh. Bài viết này tác giả chủ yếu phân tích thực trạng của kinh tế tư nhân, một số bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian tới.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, kinh nghiệm, thực trạng, giải pháp

1. Đặt vấn đề

Trong hơn ba thập kỷ qua, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam đã có bước phát triển cả về lượng và chất. Từ chỗ chủ yếu chỉ có các hộ kinh doanh cá thể, nhỏ lẻ Việt Nam đã có những doanh nghiệp tư nhân theo đúng nghĩa; một số ít doanh nghiệp đã trở thành các tập đoàn kinh tế lớn. Từ chỗ chủ yếu hoạt động trong khu vực phi chính thức, một bộ phận kinh tế tư nhân đã chuyển sang hoạt động trong khu vực chính thức của nền kinh tế, theo các quy định của pháp luật. Đến nay, phạm vi kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân đã rộng khắp, ở mọi ngành mà pháp luật không cấm, trong đó có những ngành công nghệ cao, năng suất cao cho dù vẫn còn rất ít. Đặc biệt, trong những năm qua, một làn sóng khởi nghiệp đã diễn ra, đem lại một sức sống mới, năng động hơn cho nền kinh tế. Khu vực kinh

tế tư nhân đang góp phần tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản của đất nước. Từ chỗ xa lánh, coi nhẹ, xã hội đã ngày càng tôn vinh những doanh nhân trên thương trường.

Tuy nhiên sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều rào cản, khiến cho khu vực này chưa phát huy được hết tiềm năng của mình để thực sự đóng vai trò là “động lực quan trọng của nền kinh tế” cũng như phải đối mặt với nhiều thách thức lớn trong bối cảnh phát triển mới cả trong nước và quốc tế. Thông qua phân tích những tình hình thực tế và kết hợp kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới bài viết sẽ đưa ra những giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực này.

2. Những đặc điểm phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam

¹Trường Đại học Thương mại
Email: dungthuy.dhtm@gmail.com

2.1. Số lượng doanh nghiệp lớn và đa dạng về loại hình, tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng thiếu bền vững với tỷ lệ phá sản và ngưng hoạt động cao

Về loại hình, khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam khá đa dạng về loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân, công ty cổ phần tư nhân và công ty cổ phần có vốn nhà nước với 50% vốn điều lệ trở xuống), tới các hộ kinh doanh cá thể (hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp và hộ nông lâm thủy sản).

Về số lượng, số lượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã tăng trưởng ngoạn mục trong thời gian qua, từ con số 55.200 doanh nghiệp (bao gồm cả các hợp tác xã), tăng lên 239.000 (gấp 4 lần) vào năm 2009 và lên 401.026 doanh nghiệp đang hoạt động vào cuối năm 2014. Số liệu điều tra tính tới tháng 12/2014 cho thấy trong số các doanh nghiệp đang hoạt động, doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 0,8% tổng số doanh nghiệp, số doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm 2,7% và còn lại là các doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 96,5% trên tổng số doanh nghiệp [1].

Số liệu thống kê từ Tổng điều tra các cơ sở kinh doanh cá thể phi nông nghiệp năm 2015 cho thấy số lượng hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp tăng liên tục từ khoảng 2,26 triệu hộ năm

2002 lên tới 4,67 triệu hộ vào năm 2014 và 4,75 triệu hộ năm 2015 [2].

Theo kết quả tổng hợp nhanh từ Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 [2] đến thời điểm 1/7/2016, cả nước có 9,32 triệu hộ nông, lâm và thủy sản và trong đó khu vực nông thôn là 8,61 triệu hộ, chiếm 92,4%. Cũng tại thời điểm 1/7/2016, cả nước có 33.488 trang trại.

Tuy có sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn nhưng tỷ lệ phá sản và ngưng hoạt động cũng rất cao và điều đó cho thấy sự tăng trưởng thiếu bền vững của các doanh nghiệp này. Trong số hơn 10.400 doanh nghiệp chính thức phá sản năm 2016, có khoảng 9.700 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm hơn 93,3% và tăng 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây tiếp tục là dấu hiệu đáng lo đối với khu vực kinh tế tư nhân, trong đó khó khăn lớn nhất là khu vực sản xuất hộ gia đình, cá nhân nhỏ lẻ [3]. Thêm vào đó, có một thực tế là các hộ kinh doanh cá thể thiếu động lực để phát triển trở thành những doanh nghiệp lớn. Khu vực phi chính thức thiếu động lực chuyển sang hoạt động một cách chính thức.

2.2. Quy mô doanh nghiệp còn rất nhỏ (xét theo các tiêu chí vốn và lao động) trong tương quan so sánh với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, số liệu được công bố bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2014 cho thấy có tới 97,6% doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số liệu cũng cho thấy tuyệt đại đa số các doanh nghiệp ngoài nhà nước có quy mô nhỏ và siêu nhỏ [4]. Kết quả Điều tra Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2015 ở Việt Nam cũng cho thấy con số tương tự: Trong số 8.335 doanh nghiệp dân doanh được lấy mẫu tại 63 tỉnh, thành phố ở Việt Nam thì có tới 97,3% doanh nghiệp là các doanh nghiệp nhỏ và vừa [5].

So sánh với các loại hình doanh nghiệp khác, các doanh nghiệp ngoài nhà nước có quy mô nhỏ hơn rất nhiều về vốn và lao động. Năm 2010, số lao động bình quân của một doanh nghiệp Nhà nước là 516 lao động, doanh nghiệp FDI là 297 lao động và doanh nghiệp ngoài nhà nước chỉ là 22 lao động. Số liệu tính tới tháng 12/2014 cho thấy bình quân doanh nghiệp ngoài nhà nước chỉ sử dụng 18 lao động, doanh nghiệp FDI là 312 lao động và doanh nghiệp nhà nước là 504 lao động [1]. Đặc biệt, các doanh nghiệp ngoài nhà nước có quy mô siêu nhỏ (dưới 10 người) chiếm tới gần 70%. Xét về quy mô vốn, các doanh nghiệp ngoài nhà nước cũng có quy mô rất nhỏ. Năm 2014, có tới một nửa số doanh nghiệp ngoài nhà nước có quy vốn bình quân dưới 5 tỷ đồng và chỉ 6% có số vốn bình quân trên 50 tỷ đồng. Trong khi đó

con số này ở khu vực doanh nghiệp nhà nước là 5% và 66%, ở khu vực FDI là 2,0% và 41%.

Đối với các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, quy mô lao động của các hộ kinh doanh này cũng rất thấp. Tính bình quân chung năm 2015 có gần 1,68 lao động làm việc trong 1 cơ sở. Số vốn kinh doanh bình quân là 150,6 triệu đồng/cơ sở trong đó giá trị tài sản cố định là 90,4 triệu đồng/cơ sở và điều đó thể hiện sự hạn chế trong đầu tư cho sản xuất kinh doanh của các cơ sở cá thể.

2.3. Lĩnh vực kinh doanh đa dạng, chủ yếu tập trung vào khu vực dịch vụ, có xu hướng tháo lui khỏi lĩnh vực công nghiệp và mất thị phần trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ vào tay các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, số liệu từ niên giám thống kê các năm từ 2002 - 2015 cho thấy lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất là thương mại, bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe cơ giới khác. Trong giai đoạn từ 2002 - 2014, lĩnh vực này chiếm tới 39-41% tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước. Tiếp theo là lĩnh vực chế tạo và chế biến với tỷ trọng là 23,5% vào năm 2002, giảm xuống còn 16% vào năm 2014. Lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn thứ ba là xây dựng (13,7%), lĩnh vực giao thông và vận tải chiếm tỷ trọng khoảng 5% trong thời gian 2002 - 2014. Mặc dù tổng số lượng doanh nghiệp tăng nhanh nhưng số lượng doanh nghiệp trong lĩnh vực nông

ngành gần như không đổi. Do đó, tỷ trọng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp đã giảm mạnh từ 5,4% năm 2002 xuống còn khoảng 1% vào năm 2014.

Đối với các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, các hộ này chủ yếu hoạt động trong khu vực thương mại và dịch vụ (81%) và phần còn lại (19%) hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng.

2.4. Hiệu quả hoạt động chưa cao, năng suất lao động thấp nhưng có tiềm năng đạt được hiệu quả cao hơn nếu đạt được quy mô hợp lý và có được môi trường hoạt động và kinh doanh phù hợp, thuận lợi

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê [6] cho thấy năng suất lao động của khu vực kinh tế tư nhân (bao gồm cả doanh nghiệp và hộ cá thể) đạt mức thấp nhất so với các khu vực kinh tế khác. Cụ thể, trong các khu vực kinh tế, năng suất lao động của các doanh nghiệp FDI luôn dẫn đầu, năm 2015 đạt 242,5 triệu đồng (theo giá hiện hành), gấp 1,36 lần khu vực kinh tế nhà nước (176,9 triệu đồng) và 7,8 lần khu vực kinh tế tư nhân (31,3 triệu đồng). Tuy nhiên xu hướng tăng năng suất lao động của các khu vực kinh tế trong thời kỳ 2005 - 2015 cho thấy, khoảng cách về năng suất lao động giữa khu vực nhà nước và kinh tế tư nhân với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang dần thu hẹp lại nhưng chậm hơn đôi với khu vực kinh tế tư nhân. Cụ thể, năm 2005, năng

suất của khu vực nhà nước theo giá so sánh 2010 mới bằng 52,4% năng suất lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, thì đến năm 2015 tỷ lệ này tăng lên bằng 73%; tương tự, năng suất lao động khu vực ngoài nhà nước từ 9,8% lên 12,8%.

Có một điểm đáng lưu ý là mặc dù có mức năng suất lao động thấp nhất nhưng khu vực kinh tế tư nhân lại có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động ổn định theo xu hướng tăng dần trong vòng 10 năm qua. Ngược lại, khu vực kinh tế FDI có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động đạt mức thấp và tương đối thất thường. Bên cạnh đó, tăng trưởng năng suất lao động của khu vực kinh tế nhà nước lại có xu hướng giảm mạnh từ 7% năm 2006 xuống 2,1% năm 2014 và tăng lên 10,5 năm 2015. Năng suất lao động của khu vực kinh tế nhà nước tăng lên trong năm 2015 là do quá trình sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh và thực hiện tinh giảm biên chế trong các cơ quan hành chính sự nghiệp [6].

Kết quả tính toán của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy năng suất lao động của các doanh nghiệp ngoài nhà nước thấp nhất trong khu vực doanh nghiệp năm 2014, chỉ đạt 168 triệu đồng, so với 317 triệu đồng của các doanh nghiệp FDI và 732 triệu đồng của doanh nghiệp ngoài nhà nước. Tuy nhiên trong thời gian từ 2001 - 2015, năng suất lao động của các doanh nghiệp ngoài nhà nước đã gia tăng đáng kể (5,6 lần), tăng cao hơn

so với các doanh nghiệp FDI (3,1 lần) nhưng thấp hơn so với các doanh nghiệp nhà nước (10,4 lần). Do vậy khoảng cách về năng suất lao động giữa doanh nghiệp ngoài nhà nước được thu hẹp lại với các doanh nghiệp FDI nhưng gia tăng so với các doanh nghiệp nhà nước trong thời gian nói trên.

Số liệu tính toán mới nhất từ tổng điều tra doanh nghiệp 2014 cho thấy tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của các doanh nghiệp tư nhân là 1,7% năm 2014, thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp nhà nước (6%); tỷ suất lợi nhuận trên vốn của các doanh nghiệp tư nhân là 1,2% năm 2014, cũng thấp hơn so với doanh nghiệp nhà nước (2,8%).

2.5. Thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau, giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI; khả năng hội nhập quốc tế thấp (tham gia vào chuỗi giá trị ở công đoạn thấp hoặc không tham gia) và ít gắn kết với đổi mới, sáng tạo (trình độ công nghệ thấp, thiếu đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo)

Kết quả điều tra đổi mới kỹ thuật công nghệ của 8.000 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ năm 2009 - 2013 cho thấy chỉ có 8% số doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu đầu tư đổi mới kỹ thuật công nghệ, trong đó chủ yếu từ các doanh nghiệp lớn và vừa, doanh nghiệp ngoài nhà nước chủ yếu là quy mô nhỏ, gần như không có điều kiện nghiên cứu đổi mới

kỹ thuật công nghệ. Điều đó cũng dễ lý giải bởi vốn bình quân 1 doanh nghiệp ngoài nhà nước năm 2014 chỉ là 26 tỷ đồng, quá thấp, không đủ khả năng đầu tư đổi mới kỹ thuật công nghệ [5].

2.6. Có đóng góp lớn cho nền kinh tế về tạo việc làm, về ngân sách Nhà nước, về tăng trưởng kinh tế và góp phần xóa đói, giảm nghèo nhưng chưa thực sự tương xứng với tiềm năng

Về đóng góp về việc làm và xóa đói, giảm nghèo, số liệu thống kê cho thấy tuyệt đại đa số lao động của Việt Nam trong 15 năm qua làm việc ở khu vực kinh tế tư nhân (bao gồm các hộ gia đình và doanh nghiệp ngoài nhà nước). Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đóng góp 4% việc làm và khu vực kinh tế nhà nước là 10% trong năm 2015.

Sự phát triển nhanh chóng của doanh nghiệp ngoài nhà nước trong những ngành như xây dựng, dịch vụ (bán buôn bán lẻ, sửa chữa xe, vận tải hàng hóa và hành khách, du lịch lữ hành, kinh doanh bất động sản), ngành công nghiệp chế biến thâm dụng lao động đã đáp ứng yêu cầu cấp bách về giải quyết việc làm cho một bộ phận đông đảo lao động trẻ nông thôn không có việc làm, vì những ngành này có tỷ suất đầu tư thấp, nhưng lại thu hút nhiều lao động phổ thông không đòi hỏi tay nghề cao [1]. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước phát triển khá nhanh ở tất cả các vùng và các địa phương cũng đã đem lại tác động lan tỏa tích cực về mặt

kinh tế cũng như xã hội.

Với số lượng trên 4,7 triệu, hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp đang hoạt động ở khắp các địa bàn xã, phường trên phạm vi toàn quốc, không những đã huy động được nguồn nội lực khá lớn cho phát triển kinh tế của đất nước mà còn làm giúp giảm bớt sự chênh lệch về trình độ kinh tế và xã hội giữa các vùng, miền, các địa bàn trong cả nước, nhất là những nơi mà các doanh nghiệp không muốn hoặc không thể đầu tư, như miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa [6].

Với trên 7,9 triệu lao động làm việc, hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không chỉ tạo việc làm, tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo trực tiếp cho chính những người sở hữu, quản lý và làm việc ở khu vực này mà còn gián tiếp cải thiện cuộc sống cho những người có thu nhập thấp, người nghèo ở cả khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, số liệu cũng cho thấy đóng góp tích cực của các trang trại đối với việc làm và xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn trong thời gian qua. Theo Tổng cục Thống kê (2016), tính tới 1/7/2016, các trang trại đã sử dụng 134,7 nghìn lao động làm việc thường xuyên. Trong đó lao động của hộ chủ trang trại là 75,8 nghìn người, chiếm 56,3% tổng số lao động, còn lại là lao động thuê mướn thường xuyên.

Về đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và ngân sách Nhà nước, số liệu thống

kê cho thấy khu vực kinh tế tư nhân, bao gồm cả các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, đóng góp khoảng 40% GDP trong thời gian 15 năm qua. Tuy nhiên phần lớn khoản đóng góp này đến từ khu vực kinh tế cá thể (30%) và chỉ khoảng 8%-10% GDP được đóng góp bởi các doanh nghiệp nhà nước. Điều đó cho thấy khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước còn rất nhỏ bé. Khu vực kinh tế Nhà nước đóng góp vào GDP đã giảm dần 10 điểm phần trăm trong thời gian kể trên, trong khi đó khu vực kinh tế FDI có đóng góp vào GDP khoảng 18% năm 2015, tăng gần 3 điểm phần trăm trong thời gian từ 2005 - 2015.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ngoài nhà nước có đóng góp ngày càng tăng cho nguồn thu ngân sách nhà nước. Tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp ngoài nhà nước vào thu ngân sách từ toàn bộ các doanh nghiệp đã tăng từ 10% vào năm 2000 lên 33% vào năm 2014. Trong khi đó, tỷ trọng này của khối doanh nghiệp nhà nước đã giảm từ 50,6% xuống còn 39% trong cùng thời gian kể trên [1].

Tuy nhiên nghiên cứu tác động của loại hình sở hữu đến hiệu quả kinh doanh và việc làm của các doanh nghiệp ở Việt Nam dựa vào phân tích hồi quy sử dụng bộ dữ liệu bảng về tổng điều tra doanh nghiệp từ 2007 - 2014 cho thấy với quy mô vốn và lao động tương đương với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì các doanh nghiệp ngoài

nhà nước không hề thua kém hơn về hiệu quả tài chính, doanh thu và tạo việc làm mà thậm chí doanh nghiệp tư nhân còn đạt hiệu quả cao hơn cả ở ba chỉ số này. Cụ thể, việc phân tích hồi quy cho thấy các doanh nghiệp ngoài nhà nước có tỷ suất lợi nhuận trên tài sản cao hơn các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI là 5,4% và 4,5%, và hiệu quả tạo việc làm cao hơn doanh nghiệp Nhà nước là 1,6% và doanh nghiệp FDI là 6%. Điều đó cho thấy, nếu khu vực doanh nghiệp này lớn mạnh về quy mô thì rất có thể các doanh nghiệp này sẽ có hiệu quả vượt trội và đóng góp nhiều hơn nữa cho nền kinh tế Việt Nam.

Tóm lại, mặc dù đã có sự phát triển không ngừng nhưng khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam vẫn chưa phát huy được hết được tiềm năng của mình để thực sự đóng vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đó là do khu vực này vẫn đang phải đối mặt với nhiều rào cản cả về tư duy lý luận lẫn khung khổ pháp luật, điều tiết, cơ chế chính sách và thực thi cơ chế chính sách trên thực tế cũng như môi trường kinh doanh và năng lực nội tại của chính khu vực này.

3. Kinh nghiệm phát triển kinh tế tư nhân của một số nước

Với vai trò ngày càng quan trọng của kinh tế tư nhân, nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém của kinh tế tư nhân ở Việt Nam thì việc tham khảo

kinh nghiệm về phát triển kinh tế tư nhân của một số quốc gia là việc làm cần thiết.

3.1. Phát triển kinh tế tư nhân tại nước phát triển: kinh nghiệm của Hàn Quốc

Có thể nói ở hầu hết các nước phát triển, nhất là những nước theo mô hình phát triển kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ, hay cả những nước theo đuổi mô hình nền kinh tế phúc lợi như những nước phương Tây, khu vực kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế ở những nước này.

Sự tồn tại và phát triển của khu vực tư nhân là tất yếu, góp phần quan trọng tạo động lực phát triển kinh tế trong nước và vươn ra nước ngoài. Kinh tế tư nhân là một bộ phận quan trọng cấu thành toàn bộ nền kinh tế. Nhiều quốc gia phát triển mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại của hình thức kinh tế này và tích cực phát triển nó như một công cụ hiệu quả để phát triển kinh tế.

Có ý kiến cho rằng các nước phát triển là nơi khu vực kinh tế tư nhân có sức mạnh khổng lồ và ưu thế tuyệt đối. Trong số các nước này, một trường hợp rất đáng để tham khảo đó là phát triển kinh tế tư nhân tại Hàn Quốc. Đây là một quốc gia Đông Bắc Á đã tạo nên sự thần kỳ ở châu Á, từ một nước bị tàn phá và chia cắt sau chiến tranh đã vươn lên ngang hàng với các nước phát triển trên thế giới nhờ biết nắm bắt mọi thời cơ và vận dụng chính sách linh hoạt để

huy động tiềm lực trong nước. Các công ty tư nhân đã được tạo điều kiện hình thành và phát triển thành những tập đoàn xuyên quốc gia chính là động lực cho sự phục hồi này. Đến nay, khu vực kinh tế tư nhân là một lực lượng thiết yếu và tạo động lực cơ bản trong nền kinh tế Hàn Quốc.

Theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, doanh nghiệp nhà nước sẽ không tham gia toàn bộ chuỗi giá trị mà vẫn tạo ra một dư chấn để cho doanh nghiệp tư nhân tham gia. Các doanh nghiệp tư nhân hoàn toàn có thể lớn mạnh, thậm chí lấn át khu vực kinh tế nhà nước là chuyện rất bình thường bởi mục tiêu không phải là vai trò của nhà nước luôn luôn sở hữu và đứng đầu ngành. Nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân Hàn Quốc đã phát triển thành các tập đoàn xuyên quốc gia, có vai trò ảnh hưởng dẫn đầu thị trường thế giới trong lĩnh vực của họ xét về chất lượng và số lượng tăng trưởng trong những năm gần đây. Hiện nay, khu vực tư nhân giữ vai trò nòng cốt trong phát triển công nghệ và đóng góp vào doanh thu xuất khẩu của cả nước.

3.2. Kinh nghiệm phát triển kinh tế tư nhân của Trung Quốc

Nhờ chính sách cải cách và mở cửa, khu vực tư nhân Trung Quốc đã phát triển rất mạnh trong 40 năm qua, từ chỗ bị hạn chế hay thậm chí cấm phát triển trở thành một yếu tố cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường. Dù tiến trình phát triển nhanh chóng của khu vực tư nhân đã vấp phải rất nhiều trở

ngại nhưng sự đi lên này là một xu thế tất yếu. Rõ ràng việc khai thác mô hình cải cách tương tác hai chiều “từ trên xuống” và “từ dưới lên”, kéo theo những tranh luận gay gắt giữa các chuyên gia kinh tế, đóng vai trò quan trọng quyết định trong tiến trình phát triển của thành phần kinh tế này.

Thực tế hiện nay khu vực kinh tế tư nhân Trung Quốc còn đối mặt với nhiều hạn chế về nguồn lực tài chính, con người và thể chế hỗ trợ phát triển. Trong đó đáng chú ý là những hạn chế về khả năng tiếp cận thị trường và cạnh tranh lành mạnh để thành phần kinh tế tư nhân được đứng trên một sân chơi bình đẳng với những thành phần kinh tế khác. Trước tình hình này, Hội đồng nhà nước Trung Quốc đã đưa ra một số ý kiến nhằm khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân và ngoài nhà nước. Những khuyến nghị này tập trung vào bảy lĩnh vực chính: nới lỏng những hạn chế tiếp cận thị trường đối với khu vực ngoài nhà nước; cải thiện các dịch vụ xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động thuộc khu vực tư nhân; tích cực đưa ra những hướng dẫn và các chính sách khuyến khích khu vực này.

4. Một vài ý kiến và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian tới

Để cụ thể hóa và thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017, chúng ta cần:

4.1. Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế tư nhân, để kinh tế tư nhân “là một động lực quan trọng” góp phần phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Nhà nước với các nguồn lực, công cụ, chính sách sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng và điều tiết nền kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn cho nền kinh tế, kiểm soát các nguồn tài nguyên chiến lược, phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ công có vốn đầu tư lớn, luân chuyển chậm, lợi nhuận không cao, rất cần thiết cho nền kinh tế - xã hội mà khu vực tư nhân không sẵn sàng đảm nhận; các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, một số hoạt động đầu tư mạo hiểm... Mở rộng thị trường kinh doanh ra quốc tế. Các doanh nghiệp tư nhân phần lớn vẫn hoạt động ở thị trường trong nước, chỉ rất ít doanh nghiệp lớn vươn được ra thị trường nước ngoài ở một mức độ khiêm tốn.

Ngay cả ở thị trường trong nước, dưới sức ép cạnh tranh gay gắt các doanh nghiệp tư nhân lớn cũng bắt đầu có xu hướng rút khỏi các ngành sản xuất công nghiệp, nhường lại sân chơi cho các doanh nghiệp nước ngoài. Vì vậy cần có thêm nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích và giúp đỡ cho các doanh nghiệp có thể vươn xa hơn. Phát

triển mạnh lực lượng doanh nghiệp trong nông nghiệp và ở nông thôn. Doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất ít. Trong khi đó, nhiều chính sách “cởi trói” giúp nông nghiệp, nông thôn phát triển trong thời kỳ sau đổi mới đã tới giới hạn. Mô hình kinh tế hộ truyền thống tồn tại lâu nay ở nông thôn không còn phù hợp với điều kiện mới; yêu cầu tích tụ, tập trung ruộng đất đang được đặt ra cho việc triển khai những mô hình hiện đại như kinh tế trang trại quy mô lớn.

Đặc biệt, cần chú trọng vai trò của công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ xanh và công nghệ sạch trong việc nâng cao chất lượng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Cần đổi mới căn bản hệ thống giáo dục và đào tạo, trong đó gắn giáo dục - đào tạo với hoạt động thực tiễn, đề cao tinh thần làm chủ, thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp. Cần tạo dựng văn hóa sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp cho giới trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, hình thành ý chí tự thân lập nghiệp để sẵn sàng cho tương lai.

Cần giảm thiểu sự “lấn sân” của các doanh nghiệp nhà nước đối với khu vực tư nhân đồng thời có chính sách tăng cường phát triển khối doanh nghiệp tư nhân theo cả chiều dọc và chiều ngang để vừa giải quyết những cản trở chung đối với nền kinh tế vừa tạo nên những đột phá trong phát triển năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

4.2. Xóa sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân với loại hình doanh nghiệp khác

Đề cập đến Nghị quyết 35 của Chính phủ, chúng ta có thể thấy rõ, Nghị quyết nêu rõ doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh những ngành mà pháp luật không cấm và được bảo đảm bình đẳng trong đầu tư, tiếp cận các nguồn lực vốn, tài nguyên, đất đai. Chính phủ Việt Nam khẳng định không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự. Vì vậy theo tôi, để bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực của doanh nghiệp trong thời gian tới, Chính phủ Việt Nam nên tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn về thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các quy định về cấp phép kinh doanh, xuất nhập khẩu, quản lý thị trường. Quản lý thực hiện kế hoạch phát triển. Trong đó, nhấn mạnh vào những giải pháp về thành lập Quỹ hỗ trợ, tổ chức thực hiện các Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.

Tạo mọi khả năng để các doanh nghiệp tư nhân dễ dàng tiếp cận với các nguồn lực phát triển như: Tài chính, đất đai, công nghệ, nhân lực. Thống nhất nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân. Giải pháp này nhằm tạo ra nhận thức thống nhất trong hệ thống chính trị - xã hội về vai trò động lực của kinh tế tư nhân, từ đó tạo mọi điều kiện phát triển kinh tế tư nhân,

phát huy thế mạnh và tiềm năng của kinh tế tư nhân. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Thực hiện giải pháp này chính là phải khuyến khích, tạo mọi cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh.

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân ở tất cả các ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Sự nghiệp kinh tế là của toàn dân thì kinh tế tư nhân phải là động lực chủ yếu, đảm bảo phát triển bền vững, tự chủ của Việt Nam. Còn vai trò của Nhà nước là tạo ra môi trường, sân chơi, luật chơi, làm trọng tài. Vì vậy cần phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phong trào khởi nghiệp. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các hộ và cá nhân tự nguyện liên kết hình thành doanh nghiệp hoặc các hình thức tổ chức hợp tác khác. Về phía Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, cần có sự đột phá trong tư duy và hành động, kiên trì đổi mới, hoàn thiện và tổ chức thực hiện thật tốt luật pháp, cơ chế, chính sách phù hợp với quy luật thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế; xóa bỏ mọi định kiến, rào cản; cải cách mạnh các thủ tục hành chính rườm rà, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển.

4.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp tư nhân

Đẩy mạnh xây dựng nâng cao văn hóa doanh nghiệp và đạo đức doanh nhân. Hiện nay, thực trạng văn hóa Việt Nam, bên cạnh những cái tích cực thì còn nhiều yếu tố tiêu cực. Cần phải thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức tuân thủ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực hành vi, ứng xử trong các doanh nghiệp tư nhân, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hạn chế rủi ro cho đạo đức nghề nghiệp có thể phát sinh; cũng như xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gian lận (nếu có) để răn đe, phòng ngừa chung.

Yếu tố con người là rất quan trọng, các doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức về tuân thủ đối với đội ngũ nhân sự. Quan trọng là cần phải phát hiện kịp thời nhằm giảm thiểu tổn thất, thắt chặt việc quản lý nhân sự, tăng cường giám sát việc tuân thủ và ứng xử phù hợp, trong đó luôn đặt quyền lợi của khách hàng lên hàng đầu.

Hoàn thiện các quy định để quản lý, kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp. rà soát việc tổ chức, triển khai thực hiện các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương nhằm phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý, đồng thời không gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Người ta nói là văn hóa là cái còn lại trong chúng ta sau khi ta quên đi tất cả. Như vậy, văn hóa là thứ sẽ ngấm

vào từng ngày, nhưng cũng có khi chúng ta phải mất cả thế hệ để xây dựng văn hóa. Nhưng riêng về văn hóa doanh nghiệp, tôi nghĩ rằng nếu chúng ta có được sự vào cuộc kiên quyết của Chính phủ và sự hợp tác của các cơ quan ban ngành thì sẽ không mất nhiều thời gian.

4.4. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước

Cần tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển ở tất cả các ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Theo đó, thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan tỏa rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại.

Tập trung hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới, sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực thông qua việc khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ; kết nối doanh nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư; thúc đẩy hình thành và phát triển các khu công nghệ cao, các vườn ươm công nghệ cao và các doanh nghiệp khoa học công nghệ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong đó đội ngũ cán bộ, công

chức, cần có sự đột phá trong tư duy và hành động, kiên trì đổi mới, hoàn thiện và tổ chức thực hiện thật tốt luật pháp, cơ chế, chính sách phù hợp với quy luật thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế; xóa bỏ mọi định kiến, rào cản; cải cách mạnh các thủ tục hành chính rườm rà, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển...

4.5. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân và các loại hình doanh nghiệp khác

Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là yếu tố quan trọng đóng góp vào việc tạo thêm việc làm, tăng sản lượng công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Theo tôi, để tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp Việt Nam phải biết nắm bắt thời cơ, xây dựng chí hướng lớn với tinh thần dám nghĩ, dám làm và khát vọng bay cao, bay xa thì mới có thể lớn mạnh, tham gia vào sân chơi chung với các tập đoàn trong khu vực và trên thế giới.

Trước mắt Việt Nam cần thúc đẩy các hoạt động phát triển công nghệ tầm trung phù hợp với trình độ phát triển hiện tại, như thiết lập các cụm liên kết ngành sản xuất linh kiện đòi hỏi quy mô đầu tư vốn vừa phải và độ tinh vi công nghệ ở mức trung bình Việt Nam cũng cần nắm bắt được làn sóng khởi nghiệp của các doanh nghiệp công nghệ và thúc đẩy các hệ sinh thái khởi nghiệp nhằm giúp các doanh nhân vượt qua rào cản về

vốn, rủi ro, nguồn nhân lực... để hiện thực hóa các ý tưởng của mình liên quan đến công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thay vì tạo ra những gói hỗ trợ cho từng nhóm đối tượng doanh nghiệp, Chính phủ cần tập trung vào việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đẩy mạnh kết nối một cách công bằng để các doanh nghiệp được cạnh tranh bình đẳng. Hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất riêng biệt, tách biệt các doanh nghiệp FDI có thể giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và xuất khẩu.

Tập trung vào việc thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảm bảo chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân một cách thực chất thông qua các chính sách hỗ trợ về lãi suất, ưu đãi về thuế, đất đai, giải phóng mặt bằng...; tăng cường năng lực nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ và các giải pháp tài chính, tín dụng; thực hiện công khai minh bạch các quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy liên kết tích cực giữa các ngành kinh tế, các chủ thể kinh tế và các không gian kinh tế.

Khắc phục triệt để tình trạng các doanh nghiệp lớn chi phối, lấn át các doanh nghiệp nhỏ trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh tế. Hoàn thiện pháp luật về chế độ sở hữu, kể cả đối với bất động sản, ruộng đất... để góp phần ngăn ngừa xung đột trong xã hội, góp phần phân bổ nguồn lực hiệu quả, khi pháp luật về sở hữu rõ ràng thì tự nó sẽ đặt ra một trật tự có giới hạn cho các quyền của các chủ thể trong xã hội được

đảm bảo. Theo đó các doanh nghiệp sẽ biết trân trọng sự hợp tác và gắn kết nhiều hơn. Thực hiện triệt để cải cách hành chính, tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, bộ, ngành và chính quyền địa phương theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân.

4.6. Thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh

Theo phân loại trình độ công nghệ theo tiêu chuẩn của Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO) cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu thuộc nhóm công nghệ thấp. Trong tổng số doanh nghiệp thực hiện các hoạt động cải tiến công nghệ, máy móc, thiết bị trong năm 2013, 2/3 số doanh nghiệp đã gặp phải các trở ngại. Cũng giống như việc đổi mới công nghệ, trở ngại lớn nhất cho việc cải tiến công nghệ của doanh nghiệp là hạn chế về tài chính (7,33/10 điểm).

Rõ ràng, vấn đề tài chính là rào cản lớn nhất đối với doanh nghiệp không chỉ trong các hoạt động đổi mới, cải tiến công nghệ mà cả các hoạt động kinh doanh, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Rào cản thứ hai đối với các doanh nghiệp khi thực hiện cải tiến công nghệ là sự thiếu vắng lực lượng lao động có trình độ và tay nghề. Lao động ở Việt Nam tuy đông về số lượng, nhưng yếu về tay nghề, nhất là đối với các lao động kỹ thuật. Ngoài hai rào cản

chính trên, còn phải kể đến sự yếu kém về cơ sở hạ tầng (điện, năng lượng, đất đai, giao thông...).

4.7. Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tư nhân

Chất lượng giáo dục luôn là vấn đề cốt lõi, là yếu tố sống còn của từng cơ sở giáo dục, cũng như cả hệ thống giáo dục đại học. Khung trình độ quốc gia Việt Nam có 8 bậc, bao gồm 5 bậc giáo dục nghề nghiệp và 3 bậc giáo dục đại học. Thực hiện khung trình độ quốc gia sẽ có tác động mạnh mẽ đến nhiều bên liên quan, từ các cơ quan quản lý, người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo, người học, hướng đến các chuẩn mực quốc tế, góp phần làm thay đổi cơ bản chất lượng của giáo dục đại học hiện nay.

Xây dựng tiêu chuẩn đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực hành nghề chuyên môn, kỹ năng mềm, đặc biệt kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỷ luật đạo đức làm việc, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm lao động. Tập trung vào việc xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp phù hợp với xu thế hội nhập; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng dạy nghề, tiếp cận các chuẩn khu vực và thế giới.

4.8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác Đảng, đoàn thể góp phần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp,

doanh nhân trong việc thực hiện Nghị quyết 10 về phát triển kinh tế tư nhân

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt mục đích đó, là tuyên truyền thất bại”. Trong mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế tư nhân, công tác tuyên truyền vận động giữ vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng rõ hơn. Mục đích là nhằm truyền bá những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đến đối tượng, biến những kiến thức, giá trị tinh thần đó thành nhận thức, niềm tin, tình cảm của đối tượng, thôi thúc đối tượng hành động theo những định hướng, những mục tiêu do chủ thể tuyên truyền đặt ra.

Tuy nhiên cũng cần đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động đối với doanh nghiệp và phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Chú trọng những hình thức tuyên truyền vận động phù hợp, có ảnh hưởng sâu sắc. Có thể thấy rằng nhờ vào việc tuyên truyền, kinh tế tư nhân đã phát triển trên nhiều phương diện, được tự do kinh doanh và đối xử bình đẳng hơn với các thành phần kinh tế khác, nhất là trong tiếp cận các yếu tố sản xuất và các loại thị trường; hiệu quả, sức cạnh tranh dần được nâng lên; hoạt động đa dạng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực và các vùng, miền; bước đầu đã hình thành được một số tập đoàn kinh tế tư nhân có

quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Nhìn chung, hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình từng bước đi vào nề nếp, thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phản ánh kịp thời các sự kiện quan trọng diễn ra tại doanh nghiệp. Hiện nay, theo thống kê của Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công thương, tỷ lệ dân số Việt Nam truy cập internet lên đến 34 triệu người (trong trên 90 triệu người) chiếm 36% (2013). Trong số đó, có khoảng hơn 90% dùng internet để đọc tin tức trên các báo, tạp chí online. Vì thế quảng cáo báo mạng điện tử ngày càng phát triển, các doanh nghiệp, công ty tìm đến dịch vụ quảng cáo này ngày càng đông. Quảng cáo trên báo mạng điện tử là hình thức quảng cáo hiệu quả, độ phủ thương hiệu tốt vì các trang báo mạng, tạp chí mạng hiện nay có lượng người đọc rất đông, chiếm thị phần tuyệt đối và áp đảo so với các loại hình báo chí và quảng cáo truyền thống khác. Tuy nhiên các doanh nghiệp cũng không nên quá phụ thuộc vào báo chí để đánh bóng tên tuổi của mình hay doanh nghiệp mà cần đem thương hiệu, uy tín, chất lượng thật sự để đi vào lòng người.

Muốn nâng cao chất lượng xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể ở các doanh nghiệp tư nhân, trước hết phải nâng cao nhận thức của chủ doanh nghiệp và người lao động về vấn đề

này. Cần chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp tư nhân cho chủ doanh nghiệp và người lao động.

Cùng với việc quán triệt, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các địa phương đều xác định lấy hiệu quả hoạt động để vận động, thuyết phục chủ doanh nghiệp và người lao động tích cực tham gia vào tổ chức, thành lập và duy trì hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội.

5. Kết luận

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển kinh tế tư nhân là một nhân tố không chỉ đảm bảo cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng GDP cao, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước mà còn tham gia vào giải quyết hàng loạt những vấn đề

xã hội như: tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực... Trong bối cảnh ngân sách nhà nước gặp khó khăn, cùng với đó là xu hướng suy giảm của dòng vốn ngoại, thì những chính sách khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư là cần thiết.

Nền kinh tế Việt Nam hiện có nhiều trụ cột trong các ngành không phải doanh nghiệp nhà nước mà do doanh nghiệp tư nhân chi phối và đa phần làm ăn hiệu quả. Một nền kinh tế muốn chuyển sang sáng tạo thì buộc phải đạt hiệu quả cao với nhiều giá trị gia tăng, trong đó vai trò của nền kinh tế tư nhân thậm chí còn mang tính quyết định. Việt Nam nằm trong khu vực kinh tế năng động ở Đông Nam Á. Nếu biết phát huy đầy đủ sức mạnh và khả năng sáng tạo của khu vực tư nhân thì kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2015b), *Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010-2014*, NXB Thống kê, Hà Nội
2. Tổng Cục Thống kê (2016a), *Báo cáo kết quả điều tra sơ bộ nông thôn, nông nghiệp và thủy sản*, Tổng Cục Thống kê, Hà Nội
3. Đậu Tuấn Anh (2016), “Doanh nghiệp nhỏ và vừa tư nhân Việt Nam kinh doanh trong chật vật”, *Paper presented at the Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2016*, Hà Nội
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội
5. Tổng cục Thống kê (2015a), *Hiệu quả của các doanh nghiệp trong nước giai đoạn 2005 - 2014*, NXB Thống kê, Hà Nội
6. Tổng cục Thống kê (2016b), *Năng suất lao động Việt Nam: Thực trạng và Giải pháp*, Tổng cục Thống kê, Hà Nội

**REALITY AND SOME BASIC SOLUTIONS TO
DEVELOPING PRIVATE SECTOR IN VIETNAM*****ABSTRACT***

Vietnam nowadays, with a multipart, coexistence and development economy, no longer stops at the aspect of consideration to remove or prioritize any economic composition that needs to be noticed by each economic component that has its own nature, specific economic rule, based on each form of a certain property of material produced. Therefore, it is important to hold the nature of each economic component and use them in an effective way to accelerate the growth and economic development process and the opening of further integration into the international economy that helps the economy of the country is increasingly stronger. This article primarily analyzes the status of the private sector, a number of lessons learned by countries around the world and proposed a number of solutions aimed at developing private economies in the coming time.

Keywords: *Private sector, experience, status, solution*

(Received: 23/7/2018, Revised: 21/8/2018, Accepted for publication: 18/9/2018)